

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 532 /2019/DS-ST
Ngày: 27- 08 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B TP. H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông A G V.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan T T H;

2. Bà D T K H.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn T H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 08 năm 2019 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 759/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 06 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2018/QĐST-DS ngày 28 tháng 06 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 22/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 07 năm 2019 và tuyên án ngày 27 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank)

Địa chỉ: 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng thành viên

Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Chí Dũng:

Ông Lê Hiền Thảo – Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm Quản lý pháp chế cho Phòng an ninh và Phòng kiểm soát gian lận, phòng thu hồi nợ pháp lý, Trung tâm thu hồi nợ - Khỏi tín dụng tiêu dùng - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Địa chỉ: 165- 167- 169 đường Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Hiền Thảo:

Ông Nguyễn Thanh Vũ, sinh năm 1994

Địa chỉ: Nhà số 26, đường Đào Duy Anh, Phường X, quận P N, Thành phố

H.

Là người đại diện theo ủy quyền.

Bị đơn: Ông Nguyễn V S, sinh năm 1977

Địa chỉ: Nhà số D6/177 tổ 6, ấp 4, xã Đ P, huyện B, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) có ông Nguyễn T V là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên vào ngày 24/11/2014, ông Nguyễn V S có ký hợp đồng tín dụng số 20141205-500000-0080 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng vay số tiền 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận 2.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Nguyễn Văn Sơn có trách nhiệm thanh toán số tiền 58.985.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.458.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.451.000 đồng. Thanh toán vào ngày 09 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 09/01/2015.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T V 19 lần với tổng số tiền đã trả 45.482.000 đồng. Kể từ ngày 29/05/2018 đến nay, ông Nguyễn V S không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn V S thanh lý hợp đồng trả một lần cho công ty toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau:

- Trả toàn bộ khoản nợ gốc: 11.856.186 đồng
- Trả toàn bộ khoản nợ lãi: 1.646.814 đồng

Tổng số tiền Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn V S phải thanh toán là: 13.503.000 đồng (Mười ba triệu, năm trăm lẻ ba ngàn đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét và buộc ông Nguyễn V S phải thanh toán số tiền trên một lần cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực.

Trong trường hợp ông Nguyễn V S không tự nguyện thi hành án đúng hạn, ông Nguyễn V S còn phải thanh toán thêm cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền lãi chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng trên toàn bộ số tiền gốc chưa thanh toán cho đến ngày thanh toán xong cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Bị đơn ông Nguyễn V S vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn V S phải thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng do vậy quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Bị đơn ông Nguyễn V S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn V S không có mặt, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến về vụ kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật nên ông Nguyễn V S phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Tại khoản 1 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định:

"Khoản 1: Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...

Khoản 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án”.

[4] Theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 22/11/2014 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với ông Nguyễn V S: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cho ông Nguyễn V S vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng); thời hạn vay 36 tháng; lãi suất: 2,92 %/tháng; phương thức vay: cho vay trả góp; thời hạn vay 36 tháng.

[5] Căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ Luật dân sự năm 2005, quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

[6] Đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng xác định ông S có vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng), đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng 19 lần với tổng số tiền đã trả 45.482.000 đồng, ông S còn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 11.856.186 đồng, nợ lãi là 1.646.814 đồng, tổng cộng là 13.503.000 đồng (Mười ba triệu, năm trăm lẻ ba ngàn đồng).

Tuy nhiên, theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 22/11/2014 được ký kết giữa hai bên thì số tiền mà Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cho ông Nguyễn V S vay là 40.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) vì vậy việc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện yêu cầu ông Sơn phải thanh toán dựa theo Bảng kế hoạch trả nợ và phê duyệt của Ngân hàng (trang 1 kèm theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 22/11/2014) số tiền 42.000.000 đồng là không đúng. Tòa án cũng đã tạm dừng phiên Tòa để đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cung cấp chứng cứ chứng minh việc bị đơn có nhận số tiền 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) nhưng đại diện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cũng không cung cấp được.

Bảng kế hoạch trả nợ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cung cấp đối với số tiền vay 42.000.000 đồng, lãi suất vay 35%/năm, thời hạn vay 24 tháng cụ thể :

Số kỳ	Ngày trả	Dư nợ đầu kỳ	Tiền trả hàng tháng	Gốc	Lãi	Dư nợ cuối kỳ
1	09/01/2015	42,000,000.00	2,458,000.00	1,233,000.00	1,225,000.00	40,767,000.00
2	09/02/2015	40,767,000.00	2,458,000.00	1,268,962.00	1,189,038.00	39,498,038.00
3	09/03/2015	39,498,038.00	2,458,000.00	1,305,973.00	1,152,027.00	38,192,065.00
4	09/04/2015	38,192,065.00	2,458,000.00	1,344,064.00	1,113,936.00	36,848,001.00
5	09/05/2015	36,848,001.00	2,458,000.00	1,383,266.00	1,074,734.00	35,464,735.00
6	09/06/2015	35,464,735.00	2,458,000.00	1,423,611.00	1,034,389.00	34,041,124.00
7	09/07/2015	34,041,124.00	2,458,000.00	1,465,133.00	992,867.00	32,575,991.00
8	09/08/2015	32,575,991.00	2,458,000.00	1,507,866.00	950,134.00	31,068,125.00
9	09/09/2015	31,068,125.00	2,458,000.00	1,551,846.00	906,154.00	29,516,279.00
10	09/10/2015	29,516,279.00	2,458,000.00	1,597,108.00	860,892.00	27,919,171.00
11	09/11/2015	27,919,171.00	2,458,000.00	1,643,690.00	814,310.00	26,275,481.00
12	09/12/2015	26,275,481.00	2,458,000.00	1,691,631.00	766,369.00	24,583,850.00
13	09/01/2016	24,583,850.00	2,458,000.00	1,740,971.00	717,029.00	22,842,879.00
14	09/02/2016	22,842,879.00	2,458,000.00	1,791,749.00	666,251.00	21,051,130.00
15	09/03/2016	21,051,130.00	2,458,000.00	1,844,008.00	613,992.00	19,207,122.00
16	09/04/2016	19,207,122.00	2,458,000.00	1,897,792.00	560,208.00	17,309,330.00
17	09/05/2016	17,309,330.00	2,458,000.00	1,953,144.00	504,856.00	15,356,186.00
18	09/06/2016	15,356,186.00	2,458,000.00	2,010,111.00	447,889.00	13,346,075.00
19	09/07/2016	13,346,075.00	2,458,000.00	2,068,739.00	389,261.00	11,277,336.00
20	09/08/2016	11,277,336.00	2,458,000.00	2,129,077.00	328,923.00	9,148,259.00
21	09/09/2016	9,148,259.00	2,458,000.00	2,191,175.00	266,825.00	6,957,084.00
22	09/10/2016	6,957,084.00	2,458,000.00	2,255,085.00	202,915.00	4,701,999.00
23	09/11/2016	4,701,999.00	2,458,000.00	2,320,858.00	137,142.00	2,381,141.00
24	09/12/2016	2,381,141.00	2,451,000.00	2,381,141.00	69,859.00	0
	TỔNG		58,985,000.00	42,000,000.00	16,985,000.00	

Dựa theo cách tính này với số tiền vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) thì ông Nguyễn V S có trách nhiệm thanh toán cho phía Ngân hàng số tiền tổng cộng 56.177.874 đồng (gồm cả gốc và lãi), do ông S đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng 19 lần với tổng số tiền đã trả 45.482.000 đồng, nên ông Sơn chỉ còn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 10.685.877 đồng (Mười triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng)

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn V S phải chịu 534.794 đồng (Năm trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm chín bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng bị bác một phần yêu cầu khởi kiện nên phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đối với ông Nguyễn V S.

Buộc ông Nguyễn V S trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền nợ gốc 10.685.877 đồng (Mười triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng), trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự thực hiện việc giao và nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí dân sự: Ông Nguyễn V S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 534.794 đồng (Năm trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm chín bốn đồng).

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 337.575 đồng theo biên lai số AA/2018/0006545 ngày 18/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B Thành phố H; Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 137. 575 đồng (Một trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND H. B;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. B
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Âu Gia Vượng